MIRAE ASSET Securities

22 Tháng 03, 2023

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,040.54	0.8	-1.3	-30.8
HNX	203.96	0.4	-2.9	-55.8
UPCOM	75.90	0.3	-2.0	-35.0
MSCI EM	952.45	1.0	-3.0	-15.8
NIKKEI	27,466.61	1.9	0.0	2.4
HANG SENG	19,591.43	1.7	-4.1	-10.5
KOSPI	2,416.96	1.2	0.0	-10.8
FTSE	7,515.39	-0.3	-5.2	0.5
S&P 500	4,002.87	1.3	0.3	-11.3
NASDAQ	11,860.11	1.6	3.1	-15.9

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.4	1.6	14.0
Indonesia	14.7	2.0	13.5
Philippines	13.8	1.6	11.3
Malaysia	14.3	1.3	10.4
Thái Lan	19.3	1.6	8.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.6	-1	-25	178
TPCP 10 năm	3.7	-5	-62	130

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,546	-0.2	-0.8	2.9
US$/KRW	1,307.7	-0.3	0.2	7.6
US$/JPY	132.5	0.0	-1.7	9.7
US$/EUR	0.93	-0.1	-1.6	2.4
US$/GBP	0.81	-0.5	-1.9	8.0
US$/SGD	1.34	-0.1	-0.4	-1.5

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	283	328	407
HNX	22	37	42
UPCOM	10	13	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index

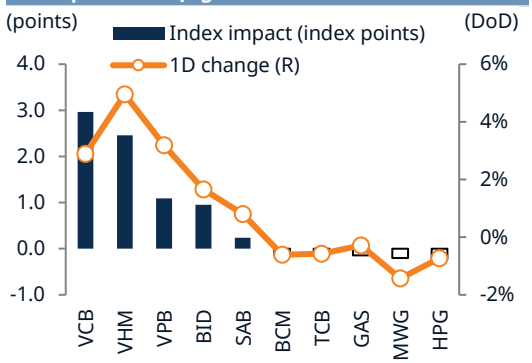

Nhận định thị trường

Ngân hàng nâng đỡ thị trường

Lực cầu tiếp tục hỗ trợ tốt cho thị trường để duy trì sắc xanh trong suốt thời gian giao dịch. Đóng cửa ở gần với vùng giá cao nhất trong phiên đã giúp VN-Index ghi nhận tăng hơn 8 điểm, dừng chân tại mốc 1,040 điểm tương ứng tăng 0,8%. Thanh khoản khớp lệnh sàn HOSE chỉ đạt 383 triệu đơn vị, tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình 20 phiên.

Đà tăng của nhóm trụ cột thuộc ngành ngân hàng như VPB, STB, VCB, EIB, BID, ... đã giúp VN-Index chốt phiên tăng hơn 8 điểm, tương đương 0,8%, kết thúc trên 1.040 điểm. VPB là tâm điểm với mức tăng hơn 3% khi kết thúc. Đáng chú ý, giá trị giao dịch VPB dẫn đầu 3 sàn với 42 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị lên đến 880 tỷ đồng.

Ngoài ngân hàng, nhóm bất động sản và xây dựng như VHM, CTD, HDC, PDR, ... cũng ghi nhận nhịp tăng khá tốt. Đối lập, ngành bán lẻ (DGW, FRT, MWG) lại ở chiều hướng giảm điểm khá mạnh.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị trên 175 tỷ đồng trên sàn thành phố, tập trung chính ở các mã: VHM (76 tỷ), DCM (35 tỷ), VCB (28 tỷ) và KDH (24 tỷ).

Phiên tăng điểm với thanh khoản thấp tiếp tục khiến điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index duy trì ở mức -4 điểm (TIÊU CỰC).

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (22/03/2023)	1.032	Kháng cự 1	1.040
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.080
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.000

VN-Index hiện tại đang kiểm định ngưỡng kháng cự ngắn hạn tại 1,040 điểm và thanh khoản đang ở mức thấp

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/03/2023)	1.034	Kháng cự 1	**1.050**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**1.080**
VN30 – đóng cửa	1.043	Hỗ trợ 1	**1.030**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**-8,64**	Hỗ trợ 2	**1.000**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	**6**	**TÍCH CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	**2**	TRUNG TÍNH

VN30F1M vẫn giữ được trên đường hỗ trợ ngắn hạn tại MA 20 ngày

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VPB	Ngân hàng	21,000	17,830,220	**100**	7	
VHM	Bất động sản	47,650	2,818,510	**98**	5	
VRE	Bất động sản	29,700	3,055,205	**92**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VPB	21	17,830,220	**7**	**KHẢ QUAN**	140,977	7.7	1.5	374
CEO	21.4	5,803,205	**7**	**KHẢ QUAN**	5,507	19.8	1.7	124
VRE	29.7	3,055,205	**7**	**KHẢ QUAN**	67,488	24.3	2.0	91
CTS	14.3	1,158,535	**7**	**KHẢ QUAN**	2,126	29.3	1.1	17
KSB	26.8	2,493,120	**6**	**KHẢ QUAN**	2,045	15.6	1.1	67
VHM	47.65	2,818,510	**5**	**KHẢ QUAN**	207,486	7.2	1.4	134
DCM	24.75	2,848,335	**5**	**KHẢ QUAN**	13,103	3.2	1.2	70
FTS	21	1,287,555	**5**	**KHẢ QUAN**	4,096	12.6	1.2	27
VND	14.8	17,655,756	**4**	**KHẢ QUAN**	18,024	14.8	1.2	261
VCI	29.45	5,485,530	**4**	**KHẢ QUAN**	12,825	14.7	2.0	162
DIG	12.25	11,431,025	**4**	**KHẢ QUAN**	7,471	49.0	1.0	140
VPI	55	623,985	**4**	**KHẢ QUAN**	13,310	26.4	3.8	34
TCH	7.2	3,891,335	**4**	**KHẢ QUAN**	4,811	26.9	0.6	28
DBC	13.6	1,670,415	**4**	**KHẢ QUAN**	3,291	21.9	0.7	23
CTF	35.2	558,340	**3**	**TRUNG TÍNH**	2,676	24.9	3.0	20
SSI	19.85	15,008,665	**2**	**TRUNG TÍNH**	29,758	13.6	1.3	298
DXG	11.5	14,411,710	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,015	45.1	0.8	166
POW	13.15	9,613,940	**2**	**TRUNG TÍNH**	30,796	14.9	1.0	126
NVL	11.1	11,135,440	**2**	**TRUNG TÍNH**	21,646	9.5	0.6	124
SHB	10.2	11,401,160	**2**	**TRUNG TÍNH**	31,282	4.1	0.7	116
KDC	55.7	1,617,765	**2**	**TRUNG TÍNH**	14,327	38.8	2.1	90
SHS	8.5	10,564,235	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,912	35.2	0.7	90
KBC	22.2	2,757,070	**2**	**TRUNG TÍNH**	17,041	11.0	1.1	61
VIX	7.05	6,476,760	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,104	9.6	0.5	46
DPM	33.65	1,294,800	**2**	**TRUNG TÍNH**	13,168	2.4	1.0	44
CII	14.2	3,003,590	**2**	**TRUNG TÍNH**	3,582	4.7	0.7	43
VJC	104.8	339,430	**2**	**TRUNG TÍNH**	56,761	#N/A N/A	4.0	36
KDH	26.1	1,146,500	**2**	**TRUNG TÍNH**	18,709	18.1	1.6	30
MBS	13.7	1,729,335	**2**	**TRUNG TÍNH**	5,341	9.9	1.2	24
HSG	15.85	17,816,436	**0**	**TRUNG TÍNH**	9,479	#N/A N/A	0.9	282
LCG	12.45	10,515,745	**0**	**TRUNG TÍNH**	2,361	11.9	0.9	131

MBB	17.4	7,094,810	0	TRUNG TÍNH	78,891	4.5	1.0	123
TPB	21.8	4,366,745	0	TRUNG TÍNH	34,482	5.5	1.1	95
MSN	80.5	1,106,345	0	TRUNG TÍNH	114,610	32.0	4.4	89
GEX	12	7,060,930	0	TRUNG TÍNH	10,218	27.7	0.8	85
PDR	11.9	4,874,695	0	TRUNG TÍNH	7,993	6.8	1.0	58
IDI	11.25	2,349,905	0	TRUNG TÍNH	2,561	4.7	0.8	26
HDC	30.85	822,630	0	TRUNG TÍNH	3,334	8.2	1.8	25
GVR	14.5	1,604,610	0	TRUNG TÍNH	58,000	15.2	1.2	23
VHC	55.8	366,145	0	TRUNG TÍNH	10,232	5.1	1.4	20
NT2	29.2	697,685	0	TRUNG TÍNH	8,406	9.8	1.8	20
HT1	15.3	1,237,195	0	TRUNG TÍNH	5,838	22.7	1.1	19
HVN	13.1	1,354,520	0	TRUNG TÍNH	29,009	#N/A N/A	#N/A N/A	18
GMD	50.1	352,445	0	TRUNG TÍNH	15,099	16.5	2.2	18
FCN	11.15	1,546,240	0	TRUNG TÍNH	1,755	44.7	0.7	17
PNJ	78.9	285,560	-1	TRUNG TÍNH	25,879	13.0	3.0	23
STB	24.8	18,065,460	-2	TRUNG TÍNH	46,753	9.3	1.2	448
NKG	15.6	11,379,965	-2	TRUNG TÍNH	4,107	#N/A N/A	0.8	178
LPB	14.8	10,279,405	-2	TRUNG TÍNH	25,591	5.0	1.1	152
HCM	23.85	5,076,015	-2	TRUNG TÍNH	10,905	12.8	1.4	121
BSR	15.1	6,406,045	-2	TRUNG TÍNH	46,818	3.2	0.9	97
IDC	38.3	2,524,570	-2	TRUNG TÍNH	12,639	5.6	2.4	97
VIC	52.8	1,571,205	-2	TRUNG TÍNH	201,376	23.4	1.8	83
HHV	13	6,287,210	-2	TRUNG TÍNH	4,001	12.7	0.6	82
VCB	89	912,650	-2	TRUNG TÍNH	421,194	14.1	3.1	81
DGC	50.6	1,473,495	-2	TRUNG TÍNH	19,217	3.6	1.8	75
CTG	28.5	2,132,345	-2	TRUNG TÍNH	136,964	8.1	1.3	61
FPT	78.5	720,495	-2	TRUNG TÍNH	86,117	16.2	4.1	57
HQC	3.49	14,011,540	-2	TRUNG TÍNH	1,663	92.1	0.4	49
SCR	6.5	6,514,550	-2	TRUNG TÍNH	2,572	51.3	0.5	42
HDB	17.65	2,318,340	-2	TRUNG TÍNH	44,394	5.7	1.2	41
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
SAB	187.5	160,600	-2	TRUNG TÍNH	120,240	23.4	5.2	30
PVC	14.3	1,997,575	-2	TRUNG TÍNH	715	81.2	1.0	29
PLC	32.5	861,995	-2	TRUNG TÍNH	2,626	19.7	2.1	28
ORS	9.35	1,759,795	-2	TRUNG TÍNH	1,870	13.8	0.8	16
TCM	49.15	331,280	-2	TRUNG TÍNH	4,028	17.0	2.0	16
PHR	39.4	411,765	-2	TRUNG TÍNH	5,339	6.0	1.6	16
HPG	20.3	21,804,450	-4	TIÊU CỰC	118,040	13.9	1.2	443
PVS	24.7	5,970,190	-4	TIÊU CỰC	11,806	16.5	1.0	147
VNM	74.4	1,452,525	-4	TIÊU CỰC	155,493	20.5	5.2	108
VCG	19.7	5,131,760	-4	TIÊU CỰC	9,572	7.5	1.4	101
PVD	19.75	4,206,850	-4	TIÊU CỰC	10,979	#N/A N/A	0.8	83
ACB	24.15	3,236,010	-4	TIÊU CỰC	81,565	6.0	1.4	78
VIB	20.7	2,776,275	-4	TIÊU CỰC	43,629	5.2	1.3	57
HAG	7.34	6,795,115	-4	TIÊU CỰC	6,807	5.9	1.4	50
PC1	27.25	1,706,570	-4	TIÊU CỰC	7,369	16.4	1.4	47
PVT	20.3	2,267,480	-4	TIÊU CỰC	6,570	7.7	1.1	46
IJC	12.45	3,393,755	-4	TIÊU CỰC	3,135	6.5	0.8	42

TNG	17	2,479,555	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,787	6.0	1.2	42
BID	46.1	863,515	**-4**	**TIÊU CỰC**	233,198	12.8	2.3	40
PLX	34.7	1,022,395	**-4**	**TIÊU CỰC**	44,090	30.0	1.8	35
ANV	30.05	1,127,015	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,000	5.7	1.3	34
SBT	14.35	2,156,880	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,660	14.9	1.1	31
HAH	32	895,525	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,251	3.1	1.0	29
HUT	15.4	1,728,220	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,369	37.1	1.4	27
AAA	8.85	2,680,860	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,383	18.3	0.6	24
PAN	16.1	1,296,305	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,342	9.2	0.7	21
SZC	27.1	593,955	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,710	15.5	1.8	16
KOS	38	391,525	**-4**	**TIÊU CỰC**	8,226	378.7	3.6	15
TCB	26.2	2,325,720	**-5**	**TIÊU CỰC**	92,152	4.6	0.8	61
FRT	65.3	678,100	**-5**	**TIÊU CỰC**	7,736	19.8	3.9	44
DGW	32.7	964,350	**-5**	**TIÊU CỰC**	5,463	7.7	2.2	32
EIB	19	3,261,550	**-6**	**TIÊU CỰC**	28,031	9.5	1.4	62
NLG	23.1	1,144,155	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,872	18.1	1.0	26
HDG	29.15	557,915	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,130	6.3	1.3	16
VGC	31	490,560	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,899	8.0	1.8	15
ASM	8.2	1,708,785	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,760	4.4	0.6	14
MWG	37.95	1,610,130	**-7**	**TIÊU CỰC**	55,535	13.4	2.3	61

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Bộ Công Thương sửa đổi Nghị định 14/2018/NĐ-CP về thương mại biên giới

Theo Bộ Công Thương, hoạt động thương mại biên giới trong những năm gần đây đã có bước phát triển tốt, đóng góp đáng kể trong thương mại song phương của Việt Nam với các nước có chung biên giới. Thương mại biên giới đã góp phần tích cực trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước; tạo điều kiện cho cư dân biên giới, trong đó có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống, cư trú lâu dài tại khu vực biên giới; góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng, an ninh tại khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa của đất nước. Bên cạnh đó, việc triển khai Nghị định số 14/2018/NĐ-CP đã tạo ra sự thông thoáng trong thực hiện các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân, doanh nghiệp và cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới hiệu quả. Ngoài ra, Nghị định số 14/2018/NĐ-CP đưa ra những cơ chế, chính sách hướng tới mục tiêu phát triển ổn định nhằm tạo môi trường thuận lợi, đa dạng trong các hình thức kinh doanh đối với thương nhân và sinh hoạt của cư dân biên giới. Bên cạnh đó, tạo khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch tại khu vực cửa khẩu, phòng ngừa gian lận trong hoạt động ngoại thương với các nước có chung đường biên giới. Trước đây, Nghị định số 14/2018/NĐ-CP đã tạo khung pháp lý chi tiết và thuận lợi hơn cho các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại biên giới dựa trên cơ sở các Luật, Nghị định và Điều ước quốc tế liên quan, tạo động lực phát triển kinh tế vùng biên giới, kết nối các vùng sản xuất trong nước, tạo thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam và nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu cần thiết để phục vụ sản xuất trong nước. Sau 5 năm triển khai thực hiện, theo Bộ Công Thương , bên cạnh những đóng góp tích cực, một số quy định của Nghị định cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; Đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình thực tế; Khắc phục tình trạng ùn tắc hàng hóa tại khu vực cửa khẩu vẫn còn diễn ra khi vào thời điểm thu hoạch chính vụ hoặc vào các dịp Lễ, Tết; Thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới chuyển dần từ "tiểu ngạch" sang "chính ngạch".

Xuất khẩu gạo năm nay có thể đạt 7 triệu tấn

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong 2 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị Trung Quốc đã vượt 100.000 tấn, đạt kim ngạch gần 62 triệu USD. Như vậy, xuất khẩu gạo tăng hơn 130% về lượng và hơn 180% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Nhu cầu từ các thị trường đang dần phục hồi trở lại. Đặc biệt, số các đơn hàng từ Trung Quốc và Philippines đang tăng mạnh. Lô gạo chất lượng cao chuẩn bị xuất khẩu đi Trung Quốc. Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An rất phấn khởi, vì Trung Quốc đang tăng cường mua gạo của Việt Nam. "Chúng tôi vừa ký được trên 2.000 tấn gạo xuất đi Trung Quốc và đang chuẩn bị xuất hàng, đồng thời tiếp tục đàm phán tiếp lô hàng khoảng 20.000 tấn", ông Phạm Thái Bình, Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An, cho biết. Các nhà máy gạo tại ĐBSCL cho biết, bước sang tháng 3 các nước đều có nhu cầu dự trữ lương thực khá lớn. Thêm vào đó, với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là gạo thơm, chất lượng cao,

nên có giá bán tốt. ĐBSCL đang bước vào thu hoạch rộ vụ lúa Đông Xuân. Theo các nhà máy, nếu được tiếp cận nguồn vốn dồi dào, tăng cường việc thu mua, sẽ giúp đảm bảo lợi nhuận cho nông dân. Đây cũng là vụ mùa cho ra sản lượng lúa chất lượng tốt nhất để các nhà máy chế biến và gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

VNM: Lãi ròng năm 2022 ở mức thấp nhất trong 6 năm

Theo đó, VNM ghi nhận doanh thu năm 2022 đạt 60.075 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế lại giảm mạnh 16% so với cùng kỳ, đạt 12.757 tỷ đồng. Kết thúc năm 2022, VNM ghi nhận lãi 8.578 tỷ đồng, giảm 20% so với con số 10.633 tỷ đồng của năm 2021. Đây là mức lãi ròng thấp nhất kể từ năm 2016 và là lần đầu tiên sau 5 năm Vinamilk báo lợi nhuận sau thuế dưới 10.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các loại chi phí tài chính tăng gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ, lên hơn 617 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay tăng gần gấp đôi. Đến cuối năm 2022, VNM cũng ghi nhận Tổng tài sản giảm 10% so với cùng kỳ, đạt 48.483 tỷ đồng. Doanh nghiệp này đang có 2.300 tỷ đồng tiền mặt và tương đương cùng với 17.400 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn. Mặt khác, nợ phải trả của công ty là hơn 15.666 tỷ đồng trong khi Vốn CSH ở mức 32.816 tỷ đồng, lần lượt giảm 11% và 9% so với cùng kỳ năm 2021. Dù lợi nhuận sau thuế sụt giảm khiến EPS giảm về còn 3.632 đồng/cổ phiếu nhưng Vinamilk vẫn dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022 cho cổ đông với tỷ lệ gần 40%. Hiện nay VNM có vốn điều lệ gần 20.900 tỷ đồng, giá trị vốn hóa của doanh nghiệp hiện ở mức 159.046 tỷ đồng, đứng thứ 6 trong nhóm doanh nghiệp VN30. Vốn hóa lớn như vậy nhưng theo báo cáo của VNM thì gần 80% lượng cổ phần doanh nghiệp này lại được sở hữu chỉ bởi 20 cổ đông.

D2D: lợi nhuận giảm 25,3% sau kiểm toán về 17,18 tỷ đồng

Cụ thể, sau kiểm toán năm 2022, Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 ghi nhận doanh thu giảm 12,1% so với trước kiểm toán, tương ứng giảm 18,01 tỷ đồng về 130,95 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế giảm 25,3% so với trước kiểm toán, tương ứng giảm 5,81 tỷ đồng về 17,18 tỷ đồng. Lý giải cho việc lợi nhuận "bốc hơi" 25,3% sau kiểm toán, Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 cho biết Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư tài chính vào CTCP BOT 319 Cường Thuận CTI, mức trích lập thực hiện là 5,24 tỷ đồng, dẫn tới lợi nhuận trước thuế giảm 5,24 tỷ đồng; điều chỉnh giảm doanh thu – giá vốn tương ứng của 6 căn shophouse tại dự án KDC Hữu Phước, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 4,51 tỷ đồng; và cuối cùng là điều chỉnh giảm chi phí tiền lương đã trích lập trong năm 2,48 tỷ đồng. Lũy kế trong năm 2022, Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 ghi nhận doanh thu giảm 72,3% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 341,36 tỷ đồng, về 130,95 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 92,9% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 225,53 tỷ đồng, về còn 17,18 tỷ đồng. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 65,9% về chỉ còn 28,7%.

OIL bị đưa vào diện cảnh báo từ ngày 23/3

HNX cho biết, sau khi xem xét báo cáo tài chính năm 2022 kiểm toán đã quyết định đưa OIL vào diện cảnh báo từ ngày 23/3, do BCTC năm của OIL bị tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ từ 3 năm liên tiếp trở lên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cổ phiếu bị cảnh báo theo quy định của Quyết định này, OIL phải có văn bản gửi HNX giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục. Theo BCTC hợp

nhất kiểm toán năm 2022, OIL ghi nhận doanh thu thuần tăng 80% so với năm 2021, đạt 104.214 tỷ đồng, song lãi ròng đạt 723 tỷ đồng, giảm 6% so với năm 2021. Tại thời điểm ngày 31/12, Công ty vẫn còn lỗ lũy kế hơn 185 tỷ đồng. Tuy nhiên, OIL cho biết, so với thời điểm trước cổ phần hóa ngày 31/12/2017 có lỗ lũy kế tới 1.676 tỷ đồng, con số ghi nhận hiện tại đã giảm 1.491 tỷ đồng và giảm sâu so với mức lỗ lũy kế hơn 3.000 tỷ ghi nhận hồi cuối năm 2014. Phần lỗ lũy kế còn lại sẽ được dứt điểm trong thời gian ngắn tới.

TCM chi gần 60 tỷ đồng tạm ứng cổ tức 7% bằng tiền

Như vậy, với gần 81,95 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Dệt may Thành Công sẽ phải chi khoảng 57,37 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 30/3, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 14/4/2023. Năm 2022, Công ty đã lên kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, đồng thời đặt mục tiêu doanh thu 4.180 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 253,8 tỷ đồng. Kết thúc năm vừa qua, Dệt may Thành Công ghi nhận doanh thu đạt 4.340,75 tỷ đồng, tăng 22,7% so với năm 2021; lợi nhuận sau thuế đạt 281,07 tỷ đồng, tăng trưởng 95,65%. Như vậy, năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt 3,85% mục tiêu doanh thu và 10,74% mục tiêu lợi nhuận đã đề ra. Tính đến cuối năm 2022, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Dệt may Thành Công xấp xỉ 714 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn 342,68 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển và 22,72 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần. Mới đây, HĐQT Công ty vừa lên kế hoạch kinh doanh năm 2023 dự kiến sẽ trình tại ĐHCĐ thường niên tới đây với chỉ tiêu doanh thu thuần xấp xỉ 4.363,8 tỷ đồng, lợi nhuận ròng 274,14 tỷ đồng. Hiện Dệt may Thành Công chưa có thông báo cụ thể về thời điểm chốt danh sách và lịch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index

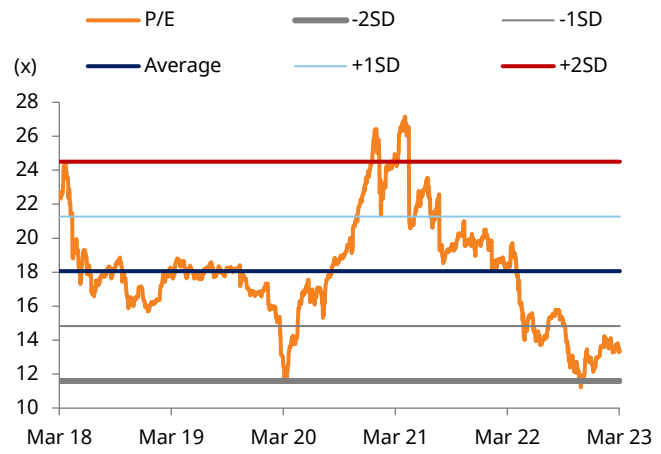

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường

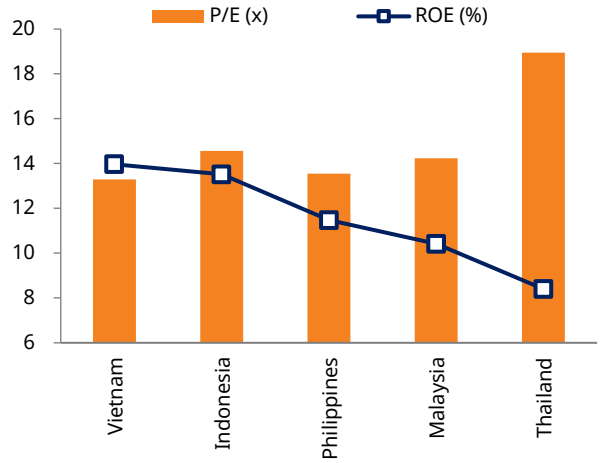

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND

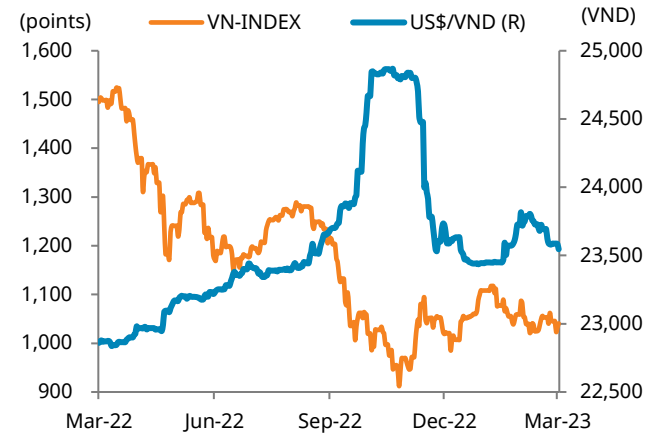

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets

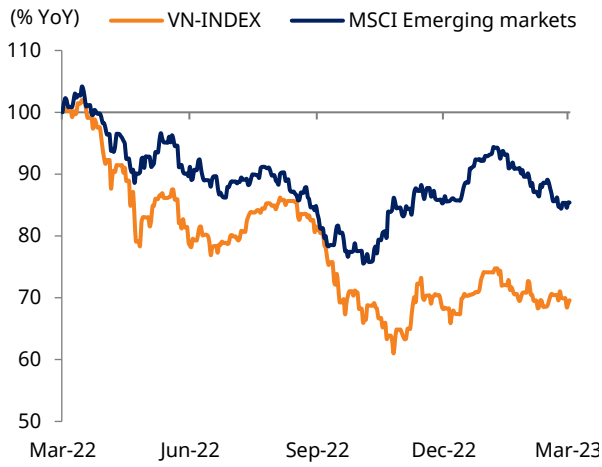

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ

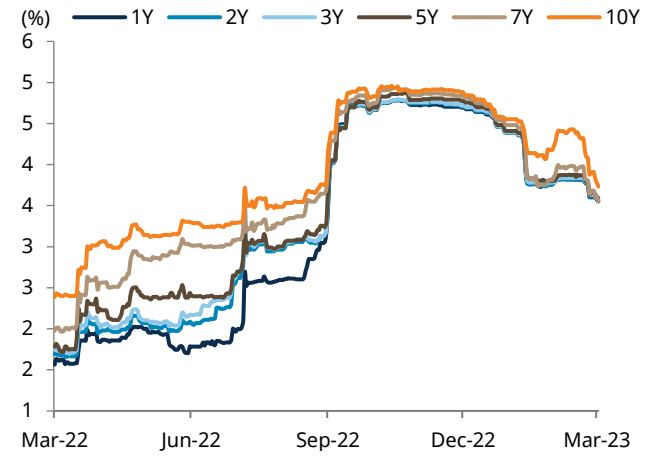

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng

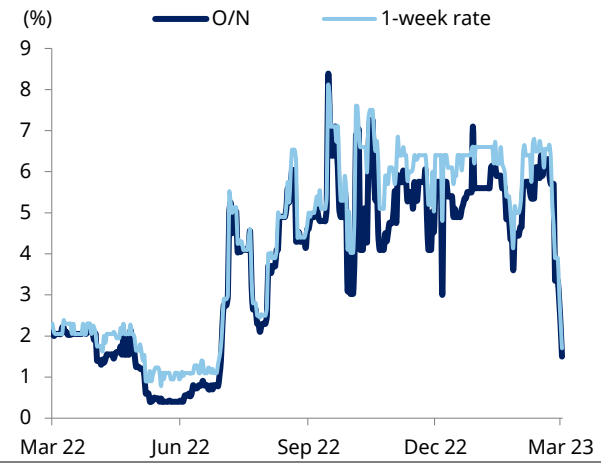

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
		(VND bn)	Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**4,118,800**	**1,040.54**	**1,523.75**	**1,507.62**	**0.8**	**-2.0**	**-1.3**	**-30.8**	**13.4**	**1.6**	**14.0**		
VN30 Index		**3,015,336**	**1,043.14**	**1,558.41**	**1,529.23**	**0.8**	**-2.0**	**-0.8**	**-31.1**	**10.9**	**1.6**	**16.5**		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	81,565	24,150	27,080	26,640	-0.2	-2.6	-2.8	-9.3	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	233,198	46,100	48,000	45,900	1.7	-1.5	2.4	6.0	12.8	2.3	19.9	17.3	12.7
VietinBank	CTG VN	136,964	28,500	33,450	32,850	0.7	-3.4	-1.4	-13.6	8.1	1.3	16.9	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	44,394	17,650	23,400	22,840	1.4	-4.6	-4.6	-22.0	5.7	1.2	23.5	19.0	1.2
MBBank	MBB VN	78,891	17,400	27,917	27,083	0.3	-2.2	-4.7	-35.7	4.5	1.0	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	46,753	24,800	34,300	33,650	0.8	-2.2	0.4	-27.2	9.3	1.2	13.8	29.0	1.0
Techcombank	TCB VN	92,152	26,200	50,200	49,600	-0.6	-3.7	-4.7	-47.5	4.6	0.8	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	34,482	21,800	41,400	40,200	0.9	-11.6	-7.4	-46.2	5.5	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	421,194	89,000	96,200	92,500	2.9	-2.6	-4.3	4.8	14.1	3.1	24.2	23.6	6.4
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	43,629	20,700	35,852	34,370	-0.2	-3.3	-1.4	-38.0	5.2	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	140,977	21,000	26,800	25,333	3.2	6.1	20.3	-14.5	7.7	1.5	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	29,758	19,850	42,201	41,543	-0.8	-2.5	2.8	-52.4	13.6	1.3	9.3	44.2	55.3
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,374	49,000	66,900	64,000	0.0	-0.6	-2.0	-16.2	23.8	1.8	7.4	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	84,353	81,500	98,800	95,000	-0.6	-2.0	-3.6	7.5	62.4	5.0	9.9	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	21,646	11,100	88,300	84,800	0.5	-2.2	-7.5	-86.8	9.5	0.6	6.2	6.0	43.0
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	7,993	11,900	68,819	67,425	2.6	-2.9	8.2	-82.2	6.8	1.0	15.1	4.1	44.9
Vinhomes JSC	VHM VN	207,486	47,650	78,100	77,100	5.0	3.6	11.9	-38.9	7.2	1.4	21.4	24.1	25.9
Vingroup JSC	VIC VN	201,376	52,800	82,700	81,400	0.0	-2.2	-0.4	-35.8	23.4	1.8	8.0	12.8	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	67,488	29,700	34,150	33,400	0.8	4.2	5.7	-10.5	24.3	2.0	8.7	33.0	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	55,535	37,950	81,000	76,900	-1.4	-5.1	-11.7	-43.9	13.4	2.3	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	114,610	80,500	129,500	126,000	0.5	-5.0	-11.5	-34.9	32.0	4.4	12.1	30.7	18.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	120,240	187,500	198,500	189,100	0.8	-1.1	0.3	21.8	23.4	5.2	23.6	62.7	37.3
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	155,493	74,400	84,300	81,800	0.0	-3.5	-1.5	-3.3	20.5	5.2	24.1	55.9	44.1
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	44,090	34,700	57,000	56,000	0.0	-7.8	-9.2	-38.9	30.0	1.8	6.0	18.2	2.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	58,000	14,500	37,000	36,000	0.3	-4.6	-0.3	-58.2	15.2	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	118,040	20,300	36,885	36,000	-0.7	-4.7	-4.2	-43.7	13.9	1.2	9.1	23.7	25.3
FPT Corp	FPT VN	86,117	78,500	98,000	95,417	0.5	-2.5	-4.0	-2.3	16.2	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	56,761	104,800	144,300	141,500	1.0	-0.1	4.0	-25.6	N/A	4.0	-14.0	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	196,945	102,900	131,900	128,300	-0.3	-3.8	-3.8	-10.5	13.4	3.3	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,796	13,150	17,250	16,550	-0.4	-2.6	9.6	-20.3	14.9	1.0	7.0	7.5	41.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.